

Bản án số: **04/2018/KDTM-ST**
Ngày: 18.4.2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thái - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 18.4.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLST-KDTM ngày 21.11.2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-KDTM ngày 21.02.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-KDTM ngày 20.3.2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP VN; địa chỉ: Số C, đường Z, phường X, quận J, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ - VPBank AMC theo Văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ-HĐQT ngày 18/01/2017 của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị VPBank và Văn bản ủy quyền số 104/2017/UQ-VPB ngày 06/11/2017 của Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ VPBank. *Có mặt*

*** Bị đơn:** 1/. Ông **Nguyễn Quang V**, sinh năm 1978; HKTT: Số L đường F, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng; Địa chỉ liên lạc: số I đường D, huyện W, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Có mặt*

2/. Bà **Thân Thị Thu Th**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số Y đường P, phường A, quận K, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Ngô Thị Minh M**, sinh năm 1960; địa chỉ: Số Y đường P, phường A, quận K, TP. Đà Nẵng. *Có mặt*

2/ Ông **Thân Đức G**, sinh năm 1958; địa chỉ: Số Y đường P, phường A, quận K, TP. Đà Nẵng. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là đại diện Ngân hàng trình bày:*

Ngân hàng TMCP VN (gọi tắt là Vpbank) phòng giao dịch Q, chi nhánh Đà Nẵng và ông Nguyễn Quang V, bà Thân Thị Thu Th đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7512664 ngày 01/6/2016, theo đó Ngân hàng đã cho ông V và bà Th vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng theo Khế ước nhận nợ số 7512664 và Hợp đồng tín dụng số 8830352 ngày 24/8/2016 vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng theo khế ước nhận nợ số 8830352. Cả hai khoản vay trên đều có lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03tháng/lần; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ đồ uống. Ông V là hộ cá nhân kinh doanh có đăng ký kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay trên đây, bà Ngô Thị Minh M đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: số R đường E (số mới là số Y đường P, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận số AN108719, sổ vào sổ cấp GCN số H14822 do UBND quận K, TP. Đà Nẵng cấp ngày 21/7/2009. Ngày 25/11/2015 đăng ký sang tên cho bà Ngô Thị Minh M. Việc thế chấp đã được các bên lập thành hợp đồng và chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền, cụ thể là tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 4332 ngày 31/5/2016.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông V và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc hàng tháng, dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu nhưng ông V và bà Th vẫn vi phạm. Do vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th phải thanh toán toàn bộ cho VPBank số tiền nợ của 02 hợp đồng tín dụng trên là 1.478.318.521đ, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000đ và nợ lãi là 108.318.521đ tính đến ngày 12/10/2017.

- Tiếp tục tính lãi từ ngày 13/10/2017 theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông V và bà Th thanh toán hết nợ cho VPBank.

- Trường hợp ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho tất cả các khoản nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bà Ngô Thị Minh M để thu hồi toàn bộ nợ cho VPBank.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang V trình bày:*

Ông V thừa nhận phần trình bày của đại diện ngân hàng về thời gian, điều kiện ký kết hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và vợ chồng ông là hoàn toàn đúng sự thật, ông không có ý kiến bổ sung thêm.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà Th trả tiền nợ gốc và lãi thì ông cho rằng số tiền vay này do ông và bà Th vay giùm cho ông Thân Đức G và bà Ngô Thị Minh M nên ông không đồng ý trả nợ, yêu cầu buộc ông G và bà M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà Thân Thị Thu Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà Th trình bày:*

Bà thừa nhận phần trình bày của đại diện Ngân hàng về thời gian, điều kiện ký kết hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà và ông V là hoàn toàn đúng sự thật.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và ông V trả số tiền 1.478.318.521đ, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000đ và nợ lãi là 108.318.521đ tính đến ngày 12/10/2017 thì bà đồng ý cùng với ông V có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng nhưng hiện nay ông bà đã ly hôn nên đề nghị Tòa án phân chia cụ thể số tiền nợ mỗi người phải trả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Minh M trình bày:*

Bà M thừa nhận vào năm 2016 đã đứng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: số R đường E (số mới là số Y đường P, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận số AN108719, sổ vào sổ cấp GCN số H14822 do UBND quận K cấp ngày 21/7/2009. Ngày 25/11/2015 đăng ký sang tên cho bà Ngô Thị Minh M tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại quận K, thành phố Đà Nẵng để đảm bảo cho ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th vay tiền ngân hàng như đại diện ngân hàng đã trình bày.

Việc thế chấp đã được lập thành: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 4332 ngày 31/5/2016 có chứng thực của Văn phòng công chứng O.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V và bà Th trả nợ vay thì bà M đề nghị Tòa án buộc ông V và bà Th trả số tiền trên cho Ngân hàng. Bà không thừa nhận việc nhờ ông V, bà Th vay hộ tiền cho bà và ông G như ông V trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thân Đức G trình bày:*

Quá trình vay mượn nợ giữa Ngân hàng TMCP VN phòng giao dịch Q chi nhánh Đà Nẵng và ông Nguyễn Quang V, bà Thân Thị Thu Th ông không biết vì ông không có liên quan gì. Bản thân ông không nhờ ông V, bà Th đứng ra vay hộ tiền như ông V đã trình bày do vậy ông không đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Quang V và đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Quang V có HKTT: Số L đường F, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng và bà Thân Thị Thu Th có địa chỉ cư trú tại: Số Y, đường P, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng; ông V là hộ kinh doanh cá thể nên được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Thân Thị Thu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

Về nội dung:

[1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ là 1.478.318.521đ, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000đ và nợ lãi là 108.318.521đ:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Thân Thị Thu Th thừa nhận các khoản nợ như đại diện của VPBank đã trình bày. Bị đơn là ông Nguyễn Quang V thừa nhận có vay tiền của VPBank như các hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ nhưng cho rằng đây là khoản tiền ông và bà Th đứng ra vay hộ cho ông Thân Đức

G, bà Ngô Thị Minh M là ba mẹ ruột của bà Th nên không đồng ý trả khoản nợ vay này. Ông Thân Đức G và bà Ngô Thị Minh M không thừa nhận việc nhờ ông V và bà Th vay hộ tiền.

Xét thấy tuy ông V không thừa nhận đây là khoản vay của vợ chồng ông nhưng ngoài lời khai, ông V không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho việc vay hộ tiền cho ông G và bà M, trong khi nguyên đơn là ngân hàng, bị đơn còn lại là bà Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông G, bà M đều xác định sự việc vay mượn tiền của ông V và bà Th không liên quan đến ông G và bà M. Mặt khác Hợp đồng tín dụng số 7512664, Khế ước nhận nợ ngày 01/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số 8830352, Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2016 giữa VPBank với ông Nguyễn Quang V, bà Thân Thị Thu Th có đầy đủ chữ ký xác nhận của ông V và bà Th. Các bên không bị cưỡng ép, đe dọa, lừa dối mà hoàn toàn tự nguyện khi ký kết các văn bản và tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Do vậy đủ điều kiện xác định ông V và bà Th đã vay của VPBank số tiền tại Hợp đồng tín dụng số 7512664, Khế ước nhận nợ ngày 01/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số 8830352, Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2016 như ngân hàng đã trình bày.

Việc vay mượn hộ (nếu có) thì ông V, bà Th có thể khởi kiện ông G và bà M bằng vụ án khác khi có căn cứ và yêu cầu.

Căn cứ trên các bảng tính lãi do nguyên đơn cung cấp và bị đơn cũng không có ý kiến phản đối, Hội đồng xét xử xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.478.318.521đ, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000đ và nợ lãi là 108.318.521đ tính đến ngày 12/10/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V và bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo cam kết là vi phạm hợp đồng, việc Ngân hàng khởi kiện đối với ông V và bà Th cần được chấp nhận, buộc ông V và bà Th phải trả cho VPBank số tiền nợ là 1.478.318.521đ, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000đ và nợ lãi là 108.318.521đ. Hiện nay ông V và bà Th đã ly hôn nhưng đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên ông bà cùng phải trả nợ. Phân chia nghĩa vụ trả nợ cho mỗi người, buộc ông V và bà Th mỗi người có trách nhiệm trả cho VPBank số tiền 739.159.260đ, trong đó nợ gốc là 685.000.000đ và nợ lãi là 54.159.260đ.

[2]. Ông V và bà Th phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/10/2017 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7512664, Khế ước nhận nợ ngày 01/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số 8830352, Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2016 cho đến khi thanh toán xong.

[3]. Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông V và bà Th, bà M đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thế chấp cho Ngân hàng bằng việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các bên (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện dùng tài sản của mình để thế chấp cho nghĩa vụ bảo lãnh khoản vay nợ của bị đơn; Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 323, 342, 343 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện nên tài sản này được xử lý theo Điều 355 Bộ luật dân sự khi bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 08/01/2018, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tài sản bảo đảm vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi so với Giấy chứng nhận được cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Mức án phí cụ thể mà bị đơn phải chịu: $\{36.000.000đ + (3\% \times 678.318.521đ)\} = 56.349556đ$ do vậy ông V và bà Th mỗi người phải chịu 28.174.778đ án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VN số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 319, 323, 342, 350, 351, 355, 369, 474, 719 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án số.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VN.

Buộc ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th mỗi người phải trả cho Ngân hàng TMCP VN số tiền **739.159.260đ** (*Bảy trăm ba mươi chín triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi đồng*), trong đó nợ gốc là **685.000.000đ** (*Sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và nợ lãi là **54.159.260đ** (*Năm mươi tư triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi đồng*).

Ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th phải tiếp tục chịu nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày 13/10/2017 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 7512664, Khế ước nhận nợ ngày 01/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số 8830352, Khế ước nhận nợ ngày 24/8/2016.

2. Trường hợp ông Nguyễn Quang V, bà Thân Thị Thu Th không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đủ thì bà Ngô Thị Minh M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 369 Bộ luật dân sự 2005. Ngân hàng TMCP VN có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: số R đường E (số mới là số Y đường P, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận số AN108719, sổ vào sổ cấp GCN số H14822 do UBND quận K, TP. Đà Nẵng cấp ngày 21/7/2009. Ngày 25/11/2015 đăng ký sang tên cho bà Ngô Thị Minh M tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại quận K, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP VN có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị Minh M các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 350, 719 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quang V và bà Thân Thị Thu Th mỗi người phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 28.174.778đ (Hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.175.000đồng theo Biên lai thu số 7794 ngày 21.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Hậu

